

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 12 NĂM 2021-2022

CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề cương ôn tập giữa HK1 môn Ngữ văn 12

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN NGỮ VĂN 12

NĂM HỌC 2021-2022

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Phần Đọc hiểu văn bản

1. Văn bản:

- Văn bản nghệ thuật, văn bản khoa học, văn bản chính luận, văn bản báo chí.

2. Nội dung trọng tâm:

- Các yếu tố nội dung của văn bản: đề tài, chủ đề/thông tin chính, đặc điểm của hình tượng/nội dung cụ thể, cảm hứng chủ đạo của văn bản, cảm xúc/tình cảm/tư tưởng/quan điểm của tác giả...

- Các yếu tố hình thức của văn bản: phương thức biểu đạt, phong cách ngôn ngữ, bố cục/cấu trúc của văn bản, cách sử dụng ngôn ngữ, cách liên kết văn bản, biện pháp tu từ.

II. Phần Làm văn

1. Nghị luận xã hội

- Kỹ năng viết đoạn văn nghị luận xã hội, khoảng 200 chữ.

- Nội dung: nghị luận về một tư tưởng/đạo lí hoặc nghị luận về một hiện tượng đời sống.

2. Nghị luận văn học

- Kỹ năng viết bài văn nghị luận văn học.

- Nội dung: Nghị luận về một đoạn thơ.

- Phạm vi ôn tập: 02 văn bản trong sách Ngữ văn 12, Tập một: Tây Tiến - Quang Dũng; Việt Bắc (trích)

- Tô Hữu

B. CẤU TRÚC ĐỀ

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

- Ngữ liệu: 01 văn bản (Có thể hỏi một trong các loại văn bản sau: văn bản nghệ thuật, văn bản khoa học, văn bản chính luận, văn bản báo chí)
- Dung lượng: khoảng 250 đến 350 chữ
- Câu hỏi: 4 câu hỏi, thuộc các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng.

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về một vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản đọc hiểu (thuộc một trong hai dạng: nghị luận về một tư tưởng/đạo lí hoặc nghị luận về một hiện tượng đời sống)

Câu 2 (5,0 điểm):

Đề có thể vào một trong các dạng sau:

- Nghị luận về một bài thơ hoặc một/ một vài đoạn thơ, sau đó rút ra một vấn đề về nội dung hoặc nghệ thuật.
- Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

C. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT**1. Dàn ý nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:**

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề (...)
- Giới thiệu về tư tưởng, đạo lí nêu ở đề bài (...)
- Trích dẫn ý kiến, nhận định (nếu có) (...)

b. Thân bài:

* Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận. Tùy theo yêu cầu đề bài mà có thể có những cách giải thích khác nhau:

- Giải thích khái niệm, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề. - Giải thích nghĩa đen của từ ngữ, rồi suy luận ra nghĩa bóng, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

- Giải thích mệnh đề, hình ảnh trong câu nói, trên cơ sở đó xác định nội dung, ý nghĩa của vấn đề mà câu nói đề cập.

* Phân tích và chứng minh những mặt đúng của tư tưởng, đạo lí cần bàn luận: Bản chất của thao tác này là giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ tới cùng bản chất của vấn đề. Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: Tại sao? (Vì sao?) Vấn đề được biểu hiện như thế nào?

* Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề đang bàn luận

* Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến...):

- Đánh giá vấn đề: Nêu ý nghĩa của vấn đề, mức độ đúng - sai, đóng góp - hạn chế của vấn đề.

- Từ sự đánh giá trên, rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm...

- Đề xuất phương châm đúng đắn...

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận ở thân bài (...)

- Lời nhắn gửi đến mọi người (...)

2. Dàn ý nghị luận về một hiện tượng đời sống:

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề (...) để giới thiệu chung về những vấn đề có tính bức xúc mà xã hội ngày nay cần quan tâm.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận đặt ra ở đề bài: hiện tượng đời sống mà đề bài đề cập...

b. Thân bài:

* Giới thiệu hiện tượng đời sống được nêu ở đề bài (...). Có thể nêu thêm hiểu biết của bản thân về hiện tượng đời sống đó (...).

Lưu ý: Khi phản ánh thực trạng, cần đưa ra những thông tin cụ thể, tránh lối nói chung chung, mơ hồ mới tạo được sức thuyết phục.

- Tình hình, thực trạng trên thế giới (...)

- Tình hình, thực trạng trong nước (...)

- Tình hình, thực trạng ở địa phương (...)

* Phân tích và bình luận những nguyên nhân – tác hại của hiện tượng đời sống đã nêu ở trên:

- Hậu quả, tác hại của hiện tượng đời sống đó:

+ Hậu quả, tác hại đối với cộng đồng, xã hội (...)

+ Hậu quả, tác hại đối với cá nhân mỗi người (...)

- Nguyên nhân:

+ Nguyên nhân khách quan (...)

+ Nguyên nhân chủ quan (...)

* Phê phán, bác bỏ một số quan niệm và nhận thức sai lầm có liên quan đến hiện tượng bàn luận (...).

* Đề xuất những giải pháp: Lưu ý: Cần dựa vào nguyên nhân để tìm ra những giải pháp khắc phục.

- Về phía cơ quan chức năng (...)

- Về phía mỗi cá nhân (...)

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về hiện tượng đời sống đã bàn (...)

- Lời nhắn gửi đến tất cả mọi người (...)

3. Dàn ý nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra từ tác phẩm văn học đã học:

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề (...)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề xã hội mà tác phẩm nêu ở đề bài đặt ra (...)

- Trích dẫn câu thơ, câu văn hoặc đoạn văn, đoạn thơ nếu đề bài có nêu ra (...)

b. Thân bài:

* Phần phụ: Giải thích và rút ra vấn đề xã hội đã được đặt ra từ tác phẩm (...)

Lưu ý: Phần này chỉ giải thích, phân tích một cách khái quát và cuối cùng phải chốt lại thành một luận đề ngắn gọn.

* Phần trọng tâm: Thực hiện trình tự các thao tác nghị luận tương tự như ở bài văn nghị luận về tư tưởng đạo lí hoặc nghị luận về hiện tượng đời sống như đã nêu ở trên (...)

Lưu ý: Khi từ “phần phụ” chuyển sang “phần trọng tâm” cần phải có những câu văn “chuyển ý” thật ấn tượng và phù hợp để bài làm được logic, mạch lạc, chặt chẽ.

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về ý nghĩa xã hội mà tác phẩm văn học đã nêu ra (...)

- Lời nhắn gửi đến tất cả mọi người (...).

2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12

2.1. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 1

TRƯỜNG THPT NGÔ SĨ LIÊN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần I: Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Sau khi điện thoại Bphone - sản phẩm công nghệ đầu tiên của người Việt Nam được nhà sản xuất BKAV giới thiệu là “chiếc điện thoại thông minh”, “siêu phẩm hàng đầu thế giới”... thì đã gặp không ít những dư luận trái chiều, chính người Việt chê bai sản phẩm của người Việt. Thậm chí có người còn đưa ra trò đùa quái ác, cụ thể là có thành viên trên cộng đồng mạng, sau khi nói những lời lẽ mang tính chất đìm hàng Việt không thương tiếc, anh ta đã đăng tải lên Facebook hình ảnh hóa đơn xác nhận việc anh hủy đặt mua 5 chiếc Bphone (phiên bản Mạ vàng 24K-128 GB) trị giá tổng 112.045.000 VND như một “chiến tích” để đời. Không những vậy, người này còn kêu gọi nhiều người khác làm theo hành động của mình. Một thanh niên khác cũng coi việc đặt mua và hủy đơn hàng điện thoại Bphone là một trào lưu giải trí và cũng bày “kinh nghiệm” cho những ai muốn tham gia quấy phá sản phẩm của hãng BKAV.

Nhưng bên cạnh đó cũng không ít người cho rằng Bphone là niềm tự hào của người Việt Nam, nếu có điều kiện nên mua hàng Việt, thay vì chỉ trích hãy ủng hộ khuyến khích...

(Báo mới.com.vn)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chức năng của đoạn trích trên?

Câu 2: Suy nghĩ của anh/chị về hành động “chọc phá” của một số người trong đoạn trích đó?

Câu 3: Theo em thông điệp gợi ra từ văn bản trên là gì? Vì sao ?

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm của không ít người “Bphone là niềm tự hào của người Việt” không? Tại sao?

Phần II: Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ văn bản trong phần đọc hiểu nói trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề: Văn hóa chỉ trích của người Việt.

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích vẻ đẹp của hình tượng người lính trong đoạn thơ sau:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá giữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành.

(Trích Tây Tiến - Quang Dũng)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 12

Phần I: Đọc hiểu

Câu 1:

Phong cách ngôn ngữ báo chí

Câu 2:

- Hành động “chọc phá” của một số người nói trên thể hiện sự kém cỏi về nhận thức, ích kỷ, đố kỵ, ganh ghét với thành công của người khác và không có tinh thần dân tộc.

Câu 3:

Học sinh có thể đưa ra nhiều thông điệp khác nhau. Xong phải có sự lý giải hợp lý. Sau đây là một số gợi ý:

- Thông điệp gợi ra có thể là: Người Việt nên mua hàng Việt.

- Người Việt hãy tích cực ủng hộ, khuyến khích cho Bphone cũng như hàng Việt nói chung. Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam để giúp các doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong nước phát triển, để dân giàu nước mạnh, đó là thể hiện lòng yêu nước trong bối cảnh hiện nay.

Câu 4:

- Ý 1: Thí sinh có thể đồng tình hay không đồng tình

- Ý 2: Lý giải

+ Nếu đồng tình với quan điểm trên thì lý giải: Vì lần đầu tiên người Việt Nam mà đại diện là tập đoàn BKAV sản xuất ra được một sản phẩm công nghệ thông minh, có thể cạnh tranh với các hãng điện thoại lớn hiện nay, cao hơn, nó cho thấy trí tuệ Việt Nam rất đáng tự hào, nếu biết khai thác, Việt Nam sẽ là một quốc gia phát triển trong lĩnh vực công nghệ.

+ Nếu không đồng tình thì phải có những lý giải hợp lý, thuyết phục.

Phần II: Làm văn

Câu 1:

* Giải thích:

- “Chỉ trích”: là những hành động, lời nói gây thiệt hại và tổn thương cho người khác.

* Bàn luận:

- Thực trạng thói quen chỉ trích của người Việt:

+ Một bộ phận người Việt, đặc biệt là những người trẻ hiện nay có biểu hiện thái quá, có cái nhìn phiến diện, lời nói thiếu văn hóa, hành động chộc phá, gây thiệt hại và tổn thương cho người khác, cho xã hội.

+ Một bộ phận người có học thức phê phán đúng lúc đúng chỗ, đúng mực, có cơ sở thuyết phục, thiện chí, góp phần không nhỏ vào sự thúc đẩy xã hội.

* Nguyên nhân:

- Do nhận thức kém, thiếu hiểu biết và các vấn đề cuộc sống, xã hội.

- Thiếu một cái nhìn công tâm, khoa học và biện chứng khi nhìn nhận đánh giá sự việc, con người.

* Hậu quả:

- Chỉ trích thiếu văn hóa làm cho người bị chỉ trích bị tổn thương, thiếu niềm tin vào cuộc sống.

- Làm thui chột ý chí và tài năng sáng tạo của con người.

- Làm xấu hình ảnh Đất nước, con người Việt Nam trong con mắt bạn bè quốc tế.

- Tuy nhiên, xã hội vẫn có hiện tượng một số người muốn nổi tiếng nhờ tai tiếng khiến dư luận bức xúc nên mọi sự chỉ trích không hoàn toàn sai.

* Rút ra bài học

Câu 2:

a. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc. Nhưng Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) của mình.

- Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ, được in trong tập Mây đầu ô (1986)

b. Phân tích đoạn thơ:

- Ngoại hình (bi thương): được khắc họa bằng một nét vẽ rất gân guốc, lạ hoá nhưng lại được bắt nguồn từ hiện thực:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

- "Không mọc tóc", "quân xanh màu lá" đều là hậu quả của những trận sốt rét rừng khủng khiếp mà người nào cũng phải trải qua. Trong hồi ức của những người lính Tây Tiến trở về, đoàn quân tử vong vì sốt rét rừng nhiều hơn là vì đánh trận bởi rừng thiêng nước độc mà thuốc men không có.

- Quang Dũng không hề che giấu những gian khổ, khó khăn..., chỉ có điều nhà thơ không miêu tả một cách trần trụi. Hiện thực ấy được khúc xạ qua bút pháp lãng mạn của Quang Dũng, trở thành cách nói mang khẩu khí của người lính Tây Tiến, cách nói rất chủ động: không mọc tóc chứ không phải tóc không thể mọc vì sốt rét tạo nên nét dữ dội, ngang tàng, cứng cỏi của người lính Tây Tiến; cái vẻ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính qua ngòi bút Quang Dũng lại toát lên vẻ oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng "quân xanh màu lá dữ oai hùm".

- Đoàn binh gọi lên sự mạnh mẽ lạ thường của "Quân đi điệp điệp trùng trùng" (Tổ Hữu), của "tam quân thì hổ khí thôn ngưu" (ba quân mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu) (Phạm Ngũ Lão).

- "Dữ oai hùm" là khí phách, tinh thần của đoàn quân ấy, như mang oai linh của chúa sơn lâm rừng thẳm

- "Mắt trừng" là chi tiết cực tả sự giận dữ, phẫn nộ, sôi sục hướng về nhiệm vụ chiến đấu

=> Thủ pháp đối lập được sử dụng đặc địa trong việc khắc họa sự tương phản giữa ngoại hình ốm yếu và nội tâm mãnh liệt, dữ dội, ngang tàng.

- Thế giới tâm hồn đầy mộng mơ thể hiện qua nỗi nhớ (lãng mạn):

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

-> Những người lính Tây Tiến không phải là những người không lòng không tim, bên trong cái vẻ oai hùng, dữ dằn của họ là những tâm hồn, những trái tim rạo rực, khát khao yêu đương "đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm". Dáng kiều thơm gợi vẻ đẹp yêu kiều, thướt tha thanh lịch của người thiếu nữ Hà thành, là cái đẹp hội tụ sắc nước hương trời. Những giấc mơ mang hình dáng kiều thơm đã trở thành động lực để giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; đã thúc giục họ tiến lên phía trước; và cũng là sợi dây thiêng liêng của niềm tin mang họ vượt qua bom đạn trở về.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

- Câu thơ thứ nhất nếu tách ra khỏi đoạn thơ sẽ là một bức tranh hết sức âm đạm:

+ Rải rác đây đó nơi biên cương của Tổ quốc, nơi rừng hoang lạnh lẽo xa xôi là những nắm mồ vô danh không một vòng hoa, không một nén hương tưởng niệm. Hai chữ “rải rác” gợi về hiu hắt, quạnh quẽ thật âm đạm và thê lương.

+ Trong một câu thơ mà tác giả sử dụng tới hai từ Hán Việt "biên cương", "viễn xứ" mang màu sắc trang trọng cổ kính như để bao bọc cho những nắm mồ xa xứ ấy một bầu không khí thiêng liêng đượm vẻ ngậm ngùi, thành kính

- Mặc dù khung cảnh ấy hàng ngày vẫn trải ra trên các cung đường hành quân của người lính Tây Tiến nhưng nó không đủ sức làm các anh nản chí sờn lòng, mà trái lại càng nung nấu quyết tâm “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”

+ Đời xanh là tuổi trẻ, là bao mơ ước, khát vọng đang ở phía trước. Nhưng không gì quý hơn Tổ quốc, không có tình yêu nào cao hơn tình yêu Tổ quốc. Nên hai chữ “chẳng tiếc” vang lên thật quyết liệt, dứt khoát như một lời thề chém đá.

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

- Trong bài thơ, Quang Dũng không hề né tránh hiện thực khắc nghiệt, dữ dội. Trong chặng đường hành quân, nhiều người lính không thể vượt qua đã "gục lên súng mũ bỏ quên đời". Dọc đường Tây Tiến cũng là vô vàn những nắm mồ liệt sĩ mọc lên “Rải rác biên cương mồ viễn xứ”... Và bây giờ, một lần nữa tác giả nhắc đến sự ra đi của họ "Áo bào thay chiếu anh về đất". Người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu để che thân, đồng đội phải đan cho họ những tấm nứa, tấm tranh...

- Thế nhưng tác giả đã cố gắng làm giảm đi tính chất bi thương của những mất mát:

+ "Áo bào" (áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa) đã khiến họ trở thành những chiến tướng sang trọng:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

+ "Về đất" là cách nói giảm nói tránh, cái chết lại là sự tự nghĩa của những người anh hùng, thanh thân và vô tư sau khi đã làm tròn nhiệm vụ (liên hệ câu thơ của Tố Hữu: Thanh thân chết như cày xong thửa ruộng...)

+ "Sông Mã gầm lên khúc độc hành" vừa dữ dội vừa hào hùng, khiến cái chết, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bị lụi mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Sông Mã tấu lên bản nhạc dữ dội của núi rừng như loạt đại bác đưa tiễn những anh hùng của dân tộc về nơi vĩnh hằng.

- Bút pháp lãng mạn ưa khám phá những vẻ đẹp dữ dội, phi thường, hay sử dụng thủ pháp đối lập mạnh mẽ. Bút pháp này chủ yếu được bộc lộ qua bốn câu thơ đầu. Tác giả nhiều lần viết về cái bi, sự mất mát, song buồn mà không uỷ mị, cúi đầu, mất mát mà vẫn cứng cỏi, gân guốc

- Màu sắc bi tráng chủ yếu được thể hiện trong 4 câu thơ còn lại. Cái bi hiện ra qua hình ảnh những nấm mồ hoang lạnh dọc đường hành quân, người chiến sĩ hi sinh chỉ có manh chiếu tạm. Nhưng cái tráng của lý tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc, của "áo bào thay chiếu", của điệu kèn thiên nhiên gầm lên dữ dội đã nâng đỡ hình ảnh thơ và truyền cảm xúc bi tráng vào lòng người

c. Tổng kết:

- Lý tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc.

2.2. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 2

TRƯỜNG THPT THÁI THUẬN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi:

Bạn hối tiếc vì không nắm bắt lấy một cơ hội nào đó, chẳng có ai phải mất ngủ.

Bạn trải qua những ngày tháng nhạt nhẽo với công việc bạn căm ghét, người ta chẳng hề bận lòng.

Bạn có chết mòn nơi xó tường với những ước mơ dang dở, đó không phải là việc của họ.

Suy cho cùng, quyết định là ở bạn. Muốn có điều gì hay không là tùy bạn.

Nên hãy làm những điều bạn thích. Hãy đi theo tiếng nói trái tim. Hãy sống theo cách bạn cho là mình nên sống.

Vì sau tất cả, chẳng ai quan tâm.

(Trích Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu, Rosie Nguyễn, NXB Hội Nhà văn - 2016)

1. Hãy nêu phương thức biểu đạt và phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản trên?
2. Biện pháp tu từ chính được sử dụng trong đoạn văn trên? Tác dụng?
3. Theo anh/ chị, thế nào là không nắm bắt lấy một cơ hội nào đó, trải qua những ngày tháng nhạt nhẽo với công việc bạn căm ghét, chết mòn nơi xó tường với những ước mơ dang dở?
4. Đoạn trích trên đem lại lời khuyên nào cho tuổi trẻ?

PHẦN LÀM VĂN

Câu 1 (2,0 điểm)

"Hãy làm những điều bạn thích. Hãy đi theo tiếng nói của trái tim. Hãy sống theo cách bạn cho là mình nên sống." (Trích Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu, Rosie Nguyễn, NXB Hội Nhà văn – 2016).

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) nêu ý kiến của mình về thông điệp trên.

Câu 2 (5,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng “Qua hình tượng sóng, nhà thơ Xuân Quỳnh đã thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu”.

Bằng những cảm nhận của anh chị về bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 12

PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt: nghị luận
- Phong cách ngôn ngữ: chính luận

Câu 2:

- Biện pháp tu từ chính: Phép điệp từ ngữ/ điệp cấu trúc.

- Tác dụng: nhấn mạnh ý nhà văn muốn thể hiện, đó là vai trò của mỗi cá nhân trong việc quyết định cuộc sống của mỗi cá nhân.

Câu 3:

“Không nắm bắt lấy một cơ hội nào đó, trải qua những ngày tháng nhạt nhẽo với công việc bạn căm ghét, chết mòn nơi xó tường với những ước mơ dang dở: Chỉ lối sống thiếu ý chí, lười biếng, bỏ qua những cơ hội học tập, thay đổi bản thân theo hướng tích cực, không chịu phấn đấu để thực hiện ước mơ, sống theo lối mòn nhạt nhẽo.

Câu 4:

- Lời khuyên: Tuổi trẻ phải biết sống tự lập, mạnh mẽ thực hiện ước mơ của mình, tự xây dựng cuộc đời theo những cách sống đúng đắn mà mình lựa chọn.

PHẦN LÀM VĂN

Câu 1:

* Giới thiệu vấn đề

* Giải thích

- "Làm những điều bạn thích" tức là biết sống với những đam mê lành mạnh.

- "Đi theo tiếng nói trái tim" tức là cách sống chân thật với chính bản thân mình, yêu ghét rõ ràng

- "Sống theo cách bạn cho là mình nên sống": hàm chứa ý nghĩa về việc chọn lựa cuộc sống đúng đắn, sống để tuổi trẻ trở nên có ý nghĩa và giá trị.

* Bàn luận

- Chọn cách sống đúng đắn không chỉ đáp ứng cái tôi vị kỉ mà cần phải biết sống vì những lẽ sống cao đẹp, sống đúng trong nhân cách làm người và quan niệm về hạnh phúc chân chính.

* Liên hệ bản thân

Câu 2:

* Giới thiệu chung

- Giới thiệu tác giả Xuân Quỳnh

- Giới thiệu tác phẩm Sóng

- Dẫn dắt vấn đề

* Phân tích:

- Người phụ nữ trong bài thơ Sóng có một trái tim mãnh liệt và dịu dàng trong tình yêu.
- Người phụ nữ trong tình yêu luôn khao khát vươn tới những điều tốt đẹp, lón lao để khám phá bản thân mình.
- Vẻ đẹp tâm hồn của họ thể hiện ở nỗi nhớ nhung, sự thủy chung và niềm tin trong tình yêu.
- Khát vọng tình yêu vĩnh hằng của nhà thơ là sự gắn bó giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng, cuộc sống.

* Nghệ thuật:

- Thể thơ 5 chữ nhịp nhàng, giàu tính nhạc.
- Hình tượng sóng và em có sự gắn kết hài hòa, giàu ý nghĩa.
- Các biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ... góp phần thể hiện vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

* Kết luận.

2.3. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 3

TRƯỜNG THPT YÊN THẾ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

“(1) Tôi năm nay 27 tuổi, là nữ, độc thân, trước nay đều tìm niềm vui từ công việc, học tập. Tôi tốt nghiệp một đại học có tiếng ở Hà Nội, ngành Kinh tế, có thể làm việc bằng tiếng Nhật. Hai năm đầu mới ra trường, tôi có công việc khá ổn định tại công ty sản xuất lớn. Tôi muốn phấn đấu nên đã tìm cơ hội mới. Tuy nhiên, mọi thứ không như tôi mong muốn.

(2) Ba năm trở lại đây, công việc có nhiều biến cố, tôi phải hai lần thay đổi công việc. Cho tới giờ tôi làm việc tại một văn phòng công ty nước ngoài, công việc nhàm chán, đồng nghiệp chỉ có một sếp và giám đốc kỹ thuật. Tôi đã làm được một năm, nhưng không hề yêu môi trường này. Tôi nhận thấy ở đây không có tương lai, không có động lực phấn đấu.

(3) Tôi biết mình sẽ nghỉ trong thời gian tới nhưng quan trọng tôi không có định hướng gì cho tương lai, không rõ mình muốn làm gì tiếp. Năm năm với ba công ty, nghiệp vụ khác nhau và tôi không biết mình có nghề gì trong tay. Tôi rất bế tắc và đang nghĩ tới việc nghỉ việc, đi học thêm tiếng Anh.

(4) Tôi đã dành đủ tiền cho việc trang trải học tập trong vòng một năm nhưng vẫn đầy lo lắng, sợ hãi về tương lai, công việc sắp tới. Đặc biệt, nỗi lo sợ bắt đầu ở tuổi 28 và lại là nữ giới,... Rất mong nhận được những chia sẻ, ý kiến tư vấn từ bạn đọc VnExpress. Cảm ơn mọi người nhiều!"

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên

Câu 2: Trong đoạn văn (2), tác giả đã đưa ra những lý do nào khiến bản thân không còn động lực phấn đấu trong công việc?

Câu 3: Chỉ ra và phân tích hiệu quả của 2 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn (3).

Câu 4: Anh/chị hãy đưa ra lời khuyên giúp tác giả thoát khỏi tâm trạng “lo lắng, sợ hãi về tương lai”.

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về: Tuổi trẻ trước những cơ hội mới.

Câu 2 (5,0 điểm)

Bàn về hình tượng nhân dân trong đoạn trích Đất nước (trích Trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm), có ý kiến cho rằng vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân là sự bình dị, gần gũi, thân thiết. Lại có ý kiến nhấn mạnh, vẻ đẹp sâu xa của hình tượng này là sự lớn lao, cao cả, phi thường. Từ cảm nhận của mình về đoạn trích sau, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

Em ơi em

Hãy nhìn rất xa

Vào bốn nghìn năm Đất Nước

Năm tháng nào cũng người người lớp lớp

Con gái, con trai bằng tuổi chúng ta

Cần cù làm lụng

Khi có giặc người con trai ra trận

Người con gái trở về nuôi cái cùng con

Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh

Nhiều người đã trở thành anh hùng

Nhiều anh hùng cả anh và em đều nhớ

Nhưng em biết không

Có biết bao người con gái, con trai

Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi

Họ đã sống và chết

Giản dị và bình tâm

Không ai nhớ mặt đặt tên

Nhưng họ đã làm ra Đất Nước

Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng

Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi

Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói

Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân

Họ đánh đập be bờ cho người sau trông cây hái trái

Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm

Có nội thù thì vùng lên đánh giặc,...

(Trích Đất nước - Mặt đường khát vọng, Nguyễn Khoa Điềm, Ngữ văn 12)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

Phương thức biểu đạt: Tự sự

Câu 2:

- Lý do: công việc có nhiều biến cố...; công việc hiện tại: nhàm chán, “đồng nghiệp chỉ có một sếp và giám đốc kỹ thuật”, “không hề yêu môi trường” làm việc này, “nhận thấy ở đây không có tương lai, không động lực phấn đấu”.

Câu 3:

- 2 biện pháp tu từ: liệt kê, điệp từ

- Hiệu quả: Nhấn mạnh, làm rõ, cụ thể hơn tâm trạng “lo lắng”, “hoang mang”, “bế tắc” khi nhận thức rõ tình cảnh hiện tại của bản thân: không định hướng gì cho tương lai, không rõ mình muốn làm gì, không biết mình có nghề gì trong tay; và đang cố gắng thay đổi tình cảnh này.

Câu 4:

- Học sinh có thể tự do trình bày ý kiến của bản thân. Song, cần đảm bảo suy nghĩ đúng đắn, diễn đạt hợp lý.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ những ý cơ bản sau:

- “Tuổi trẻ” là tuổi đẹp nhất trong cuộc đời mỗi con người, đó là tuổi của những khát vọng, đam mê, sáng tạo, lối tư duy mở, có sự ham học hỏi nên nó sẽ là một mốc thời gian để tạo ra cơ hội, nắm bắt cơ hội và hiện thực hóa nó.

- “Cơ hội” là một hoàn cảnh hoặc điều kiện đặc biệt mà ta có được, nếu nắm bắt được cơ hội thì cuộc sống của chúng ta sẽ thay đổi theo chiều hướng tích cực.

=> “Tuổi trẻ trước những cơ hội mới” – tuổi trẻ cần nhạy bén để nhìn nhận, chủ động và nắm bắt và hiện thực hóa những cơ hội mới.

- Tuổi trẻ luôn khao khát thành công, khẳng định bản thân, muốn thử thách mình với những điều mới mẻ... vì thế đứng trước những cơ hội mới chính là một lần bạn đang thử thách giới hạn của bản thân. Đó là cách bạn trưởng thành, mạnh mẽ và tự tin hơn, tôi luyện mình trở nên nghị lực hơn – yếu tố không thể thiếu của người thành công.
- Nếu không nhảy bèn trước những cơ hội mới, ta sẽ phải hối hận, tiếc nuối đã lãng phí tuổi trẻ và đặc biệt đánh mất những cơ hội để có được sự thành công.
- Khi đứng trước những cơ hội mới, bạn cần phân tích, đánh giá, nhìn nhận, đánh giá, lựa chọn xem cơ hội đó có phù hợp với năng lực, đáp ứng nguyện vọng của mình hay không,...

Câu 2:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm rõ những ý cơ bản sau:

1. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm:

- Nguyễn Khoa Điềm là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ trẻ thời chống Mỹ. Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp hài hòa giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng của người trí thức về đất nước, con người Việt Nam.
- Đất nước được trích từ phần đầu chương V của bản trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm – bản trường ca được sáng tác tại chiến trường Bình – Trị - Thiên năm 1971
- Giới thiệu về hai ý kiến bàn về hình tượng nhân dân qua cảm nhận về đoạn trích

2. Giải thích ý kiến:

- Vẻ đẹp nổi bật là vẻ đẹp gây ấn tượng mạnh, dễ nhận thấy, làm nên giá trị nổi bật cho đối tượng. Ý kiến thứ nhất khẳng định sự bình dị, gần gũi, thân thiết là vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân.
- Vẻ đẹp sâu xa là vẻ đẹp ẩn chìm, đòi hỏi phải có tri thức sâu rộng và chiêm nghiệm công phu mới khám phá được; vẻ đẹp sâu xa làm nên giá trị về chiều sâu tư tưởng cho đối tượng. Ý kiến thứ 2 nhấn mạnh: sự lớn lao, cao cả, phi thường là vẻ đẹp sâu xa của hình tượng nhân dân trong Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm.

3. Cảm nhận về hình tượng nhân dân trong đoạn trích:

a. Cảm nhận về hình tượng Nhân dân:

- Vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân trong đoạn trích là sự bình dị, gần gũi, thân thiết:

+ Nhân dân hiện diện qua những người cụ thể như “anh”, “em”, “những người con gái, con trai bằng tuổi chúng ta”,... Hiện thân cụ thể của nhân dân còn là tình yêu đôi lứa giữa anh – em, tình cảm gia đình “Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói”, tình làng xóm “Họ truyền lửa cho mỗi nhà từ hòn than qua con cúi”, tình cảm của thế hệ đi trước và thế hệ sau “Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái”,...

+ Nhân dân hiện lên trong những phương diện đời sống bình dị, đời thường: “khi cần cù làm lụng”, “nuôi cái cùng con”,... Những con người sống hay chết đều “Giản dị và bình tâm/ Không ai nhớ mặt đặt tên”,...

- Vẻ đẹp sâu xa của hình tượng nhân dân trong đoạn trích là sự lớn lao, cao cả, phi thường:

+ Nhìn về quá khứ rất xa để thấy được năm tháng nào cũng tiếp nối những “người người lớp lớp” luôn vừa cần cù làm lụng vừa đánh giặc cứu nước, bất chấp hi sinh, gian khổ, bất chấp trước bạo lực của kẻ thù “ Có giặc ngoại xâm chống ngoại xâm/ Có nội thù thì vùng lên đánh bại...”

+ Họ gác lại những tình cảm riêng tư như tình yêu đôi lứa, tình cảm vợ chồng để đánh giặc cứu nước.

+ Họ là tập thể những người anh hùng, không phân chia già trẻ, trai gái “Khi có giặc người con trai ra trận/ Người con gái trở về nuôi cái cùng con/ Ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh”

+ Họ là những người anh hùng bình dị, vô danh, họ đã sống và chết một cách giản dị và bình tâm, không ai nhớ mặt đặt tên.

+ Họ tạo nên, giữ gìn và truyền lại cho các thế hệ sau, mọi giá trị văn hóa tinh thần và vật chất của đất nước như: hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói,...

=> Những suy nghĩ, phát hiện mới mẻ của Nguyễn Khoa Điềm trên nhiều phương diện về vai trò của nhân dân trong việc làm nên lịch sử và truyền thống dựng nước và giữ nước; khẳng định một chân lý mang tính thời đại “Đất nước của Nhân dân”

- Nghệ thuật:

+ Cảm xúc thơ chân thành, tha thiết

+ Giọng điệu tâm tình, có sự hòa quyện giữa chất trữ tình và chính luận

+ Hình ảnh thơ mộc mạc, giản dị, vừa gần gũi, quen thuộc vừa mang tính khái quát.

+ Thể thơ tự do, các biện pháp tu từ được vận dụng một cách linh hoạt.

b. Bình luận

- Mỗi ý kiến đều có tính khái quát, sâu sắc, nhấn mạnh một vẻ đẹp khác của hình tượng nhân dân. Nếu ý kiến thứ nhất khẳng định vẻ đẹp nổi bật của hình tượng nhân dân là sự bình dị, gần gũi, thân thiết thì ý kiến thứ hai nhấn mạnh vẻ đẹp sâu xa của hình tượng này là sự lớn lao, cao cả, phi thường.

- Hai ý kiến tuy khác nhau nhưng không đối lập mà bổ sung cho nhau, hợp thành sự nhìn nhận toàn diện, thống nhất và mới mẻ về vẻ đẹp hình tượng nhân dân trong đoạn trích.

2.4. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 4

TRƯỜNG THPT GIÁP HẢI

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.

(Hồ Chí Minh, trong Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, NXB Sự thật, Hà Nội, 1986)

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn? (0,5 điểm)

Câu 2. Đoạn văn đề cập đến nội dung gì? (1,0 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.” (1,0 điểm)

Câu 4. Đoạn văn gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc? (Viết một đoạn văn từ 8 đến 10 dòng). (0,5 điểm)

II. LÀM VĂN

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày ý kiến của anh/ chị về nhận xét sau: “Học tập là cuốn vở không có trang cuối”.

Câu 2: (5,0 điểm)

Về hình tượng người lính trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng, có ý kiến cho rằng: "Người lính ở đây có dáng dấp của các tráng sĩ thuở trước". Ý kiến khác thì nhấn mạnh “Hình tượng người lính mang vẻ đẹp của người chiến sĩ thời kháng chiến chống Pháp”.

Từ cảm nhận của mình về hình tượng này, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

Phương thức biểu đạt: nghị luận

Câu 2:

Nội dung đoạn văn:

- Khẳng định tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
- Chính tinh thần yêu nước đã giúp nhân dân ta chiến thắng mọi kẻ thù.

Câu 3:

Mục đích của câu hỏi nhằm đánh giá khả năng phát hiện và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ trong văn bản. (1,0 điểm)

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: Ẩn dụ; Điệp từ; Liệt kê; Lặp cấu trúc; Nhân hóa.
- Tác dụng:
 - + Khẳng định sức mạnh của lòng yêu nước.
 - + Tạo nhịp điệu sôi nổi, mạnh mẽ cho câu văn.
 - + Thể hiện niềm tự hào của Hồ Chí Minh về truyền thống quý báu của dân tộc ta.

Câu 4:

Có thể diễn đạt theo các cách khác nhưng phải hợp lý, có sức thuyết phục.

Nội dung chính:

- Phải giữ gìn truyền thống tốt đẹp và quý báu của dân tộc ta.
- Cần học tập và rèn luyện để xây dựng Tổ quốc giàu đẹp.
- Sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc trước các thế lực xâm lăng.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

1. Yêu cầu về kỹ năng:

- Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản.
- Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức:

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: học tập là công việc suốt đời không ngừng nghỉ
- Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác giải thích, chứng minh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lý lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải lấy từ thực tiễn đời sống, cụ thể và sinh động

3. Hướng dẫn làm bài:

a. Mở bài:

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: học tập là công việc suốt đời không ngừng nghỉ

b. Thân bài:

- Giải thích:

+ Học tập: học và luyện tập để có hiểu biết và kỹ năng.

+ Cuốn vở: ghi chép những hiểu biết trong quá trình học tập. Ý cả câu: học tập là công việc suốt đời, không ngừng nghỉ.

- Phân tích - chứng minh:

+ Con người chúng ta từ chỗ không biết gì, nhờ quá trình học tập, tích lũy kinh nghiệm mà có kiến thức - kỹ năng. Công việc ấy tiếp diễn bao đời nay.

+ Biền học thì vô cùng, không ai có thể khẳng định mình đã nắm chắc mọi thứ, vì vậy phải liên tục học tập (Lênin: Học, học nữa, học mãi. Đacuyn: bác học không có nghĩa là ngừng học,...)

+ Thời đại ngày nay, con người có thể học tập bằng nhiều hình thức.

- Đánh giá - mở rộng:

+ Học tập là cuốn vở không trang cuối: đó là phương châm sống của những người cầu tiến, khát khao vươn tới chiếm lĩnh tri thức nhân loại và biết làm cho cuộc sống của mình có giá trị thực sự.

+ Phê phán những người tự bằng lòng với sự hiểu biết của mình, tự mãn, tự phụ hoặc ngại khó, biếng nhác, lười học tập...

+ Học tập suốt đời là việc phải làm và cần làm nhưng cũng cần có phương pháp học tập để có kết quả thật tốt. Việc học còn phải gắn với những động cơ, mục đích học tập đúng đắn thì việc học mới mang lại những ý nghĩa, giá trị đích thực cho cuộc sống bản thân và những người quanh ta.

c. Kết bài:

- Tổng kết vấn đề

- Rút ra bài học

Câu 2:

1. Yêu cầu về kỹ năng: Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức:

a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận

b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận

c. Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lý lẽ và đưa dẫn chứng.

3. Hướng dẫn làm bài

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm:

+ Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài, nhưng trước hết là một thi sĩ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu

+ Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ của Quang Dũng và thơ ca kháng chiến chống Pháp, tác phẩm khắc họa thành công về hình tượng người lính Tây Tiến

b. Thân bài:

- Giải thích:

+ “Dáng dấp tráng sĩ thuở trước”: ý muốn nói đến nét đẹp trượng phu giàu tính ước lệ kiểu văn chương trung đại về hình tượng người lính

+ “Dáng vẻ của người chiến sĩ thời kháng chiến chống Pháp”: muốn nói đến người lính có nhiều nét đẹp thân thuộc chất lọc từ đời sống chiến trường của những anh vệ quốc quân thời chống Pháp

Đây là hai nhận xét khái quát về hai bình diện khác nhau của hình tượng người lính tây Tiến: Ý kiến trước chỉ ra vẻ đẹp truyền thống, ý kiến sau chỉ ra vẻ đẹp hiện đại

- Phân tích, chứng minh:

+ Vẻ đẹp người lính mang dáng dấp tráng sĩ thuở trước: Người lính hiện lên với dáng vẻ oai phong, lẫm liệt đầy hào khí, tinh thần chiến đấu kiêu dũng, xả thân, thái độ ngang tàng ngạo nghễ, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng

Hình tượng người lính đặt trong không gian bi hùng cổ xưa với cuộc trường chinh đầy gian khổ, với chiến trường là miền viễn xứ chốn biên ải, gắn với chất liệu ngôn ngữ trang trọng, hình ảnh ước lệ...

+ Người lính Tây Tiến mang dáng vẻ của người chiến sĩ thời kháng chiến chống Pháp:

- Người lính với tinh thần vệ quốc của thời đại chống Pháp cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh: không tiếc đời mình, không thoái chí sờn lòng, không bỏ cuộc
- Đời sống quân ngũ gian khổ mà vẫn trẻ trung tinh nghịch, lăn lộn trận mạc đầy máu mủ hi sinh mà vẫn đa cảm đa tình: dòi dào tình yêu thiên nhiên, tình quân dân và tình yêu đôi lứa.
- Hình tượng người lính gắn chặt với một sự kiện lịch sử đó là cuộc hành binh Tây Tiến, với một không gian thực miền Tây, với một địa danh xác thực, với cảnh trí đậm sắc thái riêng của nơi rừng thiêng nước độc nhưng cũng đầy thơ mộng. Với ngôn ngữ đậm chất đời thường của những người lính trẻ.

- Bình luận:

+ Cả hai ý kiến đều đúng, tuy nội dung khác nhau nhưng lại bổ sung cho nhau, cùng khẳng định những đặc sắc của hình tượng người lính Tây Tiến: Đó là sự hòa hợp giữa vẻ đẹp tráng sĩ cổ điển với vẻ đẹp chiến sĩ hiện đại để tạo nên một hình tượng toàn vẹn

+ Có được sự hòa hợp về vẻ đẹp của người lính Tây Tiến là do nhà thơ đã kế thừa thơ ca truyền thống, sử dụng bút pháp lãng mạn, đồng thời đã mang được vào thơ không khí thời đại, hiện thực chiến trường, đời sống trần mạt của bộ đội Tây Tiến mà tác giả vốn là người trong cuộc

c. Kết bài:

- Tổng kết lại vấn đề.

2.5. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 5

TRƯỜNG THPT LỤC NAM

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Tỷ phú Hồng Kông Yu Pang-Lin vừa qua đời ở tuổi 93, để lại di chúc hiến toàn bộ tài sản trị giá khoảng 2 tỉ USD cho hoạt động từ thiện. Ông giải thích cho hành động của mình: “Nếu các con tôi giỏi hơn tôi thì chẳng cần phải để nhiều tiền cho chúng. Nếu chúng kém cỏi thì có nhiều tiền cũng chỉ có hại cho chúng mà thôi”. Yu Pang-Lin không phải là người đầu tiên trên thế giới “keo kiệt” với con nhưng lại hào phóng với xã hội. Người giàu nhất thế giới - Bill Gates - từng tuyên bố sẽ chỉ để lại cho con 0,05% tổng tài sản kếch xù của mình. Báo chí hỏi tại sao lại như vậy, ông trả lời đại ý: Con tôi là con người, mà đã là con người thì phải tự kiếm sống, không chỉ kiếm sống để phục vụ chính bản thân mình mà còn phải góp phần thúc đẩy xã hội. Đã là con người thì phải lao động. Tại sao tôi phải cho con tiền?

Nhưng cũng có những người con sẵn sàng từ chối thứ mà “đời bố hi sinh” để “củng cố” cho mình. Stephen Covey - người từng được tạp chí Time bầu chọn là 1 trong 25 nhân vật ảnh hưởng nhất thế giới, tác giả

cuốn sách nổi tiếng 7 thói quen để thành đạt - viết di chúc để lại tiền cho con và ra đi năm 2012. Cả chín người con không ai nhận tiền. Họ lý giải rất giản dị rằng họ là những người bình thường và hoàn toàn có thể tự lao động, tự kiếm sống được.

Tương tự, tỉ phú Warren Buffett viết di chúc chỉ để lại 10% tài sản của mình cho con, còn lại là làm từ thiện. Tuy nhiên, ba người con, dù không phải quá giàu có, cũng từ chối và dành luôn số tiền đó cho từ thiện.

[...] Có người nói rằng có hai thứ mà cha mẹ cần trang bị cho con cái và chỉ hai thứ đó là đủ, còn không, nếu có để lại cho con thứ gì đi nữa mà thiếu hai thứ đó thì coi như chưa cho con gì cả. Hai thứ đó là: ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm.

(Theo Nhật Huy, Không để lại tiền cho con, dân theo <http://tuoitre.vn>, ngày 10/5/2015)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

Câu 2: Theo tác giả, vì sao những người cha như tỉ phú Yu Pang-Lin, Bill Gates không muốn để lại tiền cho con.

Câu 3: Việc không nhận tài sản kế thừa của những người con có phải là do họ không coi trọng tiền bạc hay không? Vì sao?

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm: “Có người nói rằng có hai thứ mà cha mẹ cần trang bị cho con cái và chỉ hai thứ đó là đủ, còn không, nếu có để lại cho con thứ gì đi nữa mà thiếu hai thứ đó thì coi như chưa cho con gì cả. Hai thứ đó là: ý thức tự chịu trách nhiệm về bản thân mình và năng lực để tự chịu trách nhiệm” không?

II. Làm văn (7 điểm)

Câu 1: Đoạn trích phần đọc hiểu gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về tính tự lập của con người, nhất là tuổi trẻ? Hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh chị.

Câu 2: Sức hấp dẫn của thơ Tố Hữu là ở chỗ những tình cảm chính trị được truyền tải bằng giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tha thiết và nghệ thuật biểu hiện giàu tính dân tộc.

Anh/ chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua đoạn thơ sau:

- Mình về mình có nhớ ta,

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn?

- Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi.

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay.

(Trích Việt Bắc – Tố Hữu, Ngữ văn 12 tập 1, NXB Giáo dục 2010, tr 109)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 12

Phần I: Đọc hiểu

Câu 1:

- Phong cách ngôn ngữ: báo chí.

Câu 2:

- Những người cha như tỉ phú Yu Pang-Lin, Bill Gates không muốn để lại tiền cho con vì họ cho rằng: Nếu con cái họ giỏi thì sẽ không cần đến tiền của họ, nếu chúng kém cỏi thì tiền sẽ chỉ làm hại chúng và mỗi con người đều phải lao động kiếm sống để phục vụ cho nhu cầu của bản thân và thúc đẩy xã hội phát triển.

Câu 3:

- Không nhận tài sản do cha để lại không phải là hành động không coi trọng tiền bạc.

- Vì: Họ hiểu được một điều vô cùng quan trọng đó là năng lực tự chịu trách nhiệm về bản thân mình, rồi sau đó là chịu trách nhiệm với gia đình, xã hội,... Hơn thế nữa, họ còn nhận ra những hiểm họa khi tiêu sài đồng tiền không phải do mình làm ra. Chỉ có bằng lao động và thông qua lao động để kiếm tiền họ mới biết trân trọng và sử dụng đồng tiền đúng cách.

Câu 4: Đồng ý với nhận xét trên.

Phần II: Tự luận

Câu 1:

Có thể trình bày theo định hướng sau:

* Giới thiệu vấn đề.

* Giải thích vấn đề: Tính tự lập

- Tính tự lập là không dựa dẫm vào người khác, sử dụng tài năng, bản lĩnh của cá nhân để làm chủ cuộc sống của mình.

=> Tự lập là một đức tính quan trọng, cần thiết đối với mỗi cá nhân đặc biệt là các bạn trẻ trong xã hội hiện đại.

* Phân tích vấn đề

- Biểu hiện của tính tự lập: Tính tự lập được thể hiện ở sự tự tin, bản lĩnh cá nhân, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách, ý chí nỗ lực vươn lên trong học tập và cuộc sống.

+ Tự lập trong học tập: học tập không cần sự nhắc nhở của cha mẹ; có ý thức phấn đấu, vươn lên để đạt thành tích cao hơn,...

+ Tự lập trong cuộc sống: Tự chăm lo cho bản thân, hoàn thành các công việc được giao phó, giúp đỡ những người xung quanh,...

- Vì sao phải rèn luyện tính tự lập?

+ Rèn luyện đức tính tự lập sẽ giúp cá nhân có thể vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đến thành công.

+ Giúp chúng ta trưởng thành, bản lĩnh, vững vàng hơn trong cuộc sống.

+ Đức tính tự lập giúp chúng ta làm chủ cuộc sống của chính mình.

+ Đức tính tự lập giúp ta sẵn sàng đối đầu thách thức và đảm nhận trách nhiệm.

+ Người có tính tự lập là một hình ảnh đẹp, một tấm gương tốt để mọi người học tập và noi theo.

* Dẫn chứng:

- Đỗ Nhật Nam, cậu bé được coi là thần đồng tiếng anh, 13 tuổi em đã sống tự lập ở Mỹ, không ngừng nỗ lực, phấn đấu đạt được những thành tích đáng khích lệ. Không chỉ vậy, cậu bé còn có những đóng góp cho xã hội khi mở lớp học tiếng anh miễn phí ở Hà Nội cho các bạn nhỏ.

* Bàn luận, mở rộng vấn đề.

- Hiện nay, còn có rất nhiều bạn trẻ có tính ỷ lại, thụ động không biết phấn đấu, vươn lên làm chủ cuộc sống của bản thân. Đó là một hành động đáng chê trách và lên án,

- Muốn có đức tính tự lập các bạn trẻ cần chủ động trong mọi việc, sẵn sàng hăng hái tham gia mọi hoạt động, kiên trì vượt qua mọi khó khăn, thử thách.

* Liên hệ bản thân

- Anh/chị có phải là một người có tính tự lập? Anh/chị sẽ làm gì để rèn luyện, nâng cao tính tự lập của bản thân?

* Kết luận

- Mỗi chúng ta cần tự rèn luyện cho mình đức tính tự lập. Đức tính này chính là chìa khóa cho sự thành công của mỗi người.

Câu 2:

Học sinh có thể trình bày theo định hướng sau:

I. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Giọng thơ tâm tình, ngọt ngào và hình thức nghệ thuật giàu tính dân tộc.

II. Thân bài

1. Giải thích khái niệm

- Tình cảm chính trị trong thơ Tố Hữu nói chung tình cảm Cách mạng còn trong bài thơ Việt Bắc đó là tình quân dân.

- Giọng thơ là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng của mỗi người đối với hiện tượng được miêu tả. Nó được thể hiện trong lời thơ: trong quy định về cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm,... Ngoài ra, giọng điệu còn phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà thơ và tác dụng truyền cảm cho người đọc.

- Giọng tâm tình, ngọt ngào: giọng của tình thương mến, tự nhiên, đầm ấm, chân thành.

- Tính dân tộc trong văn học là một khái niệm thuộc phạm trù tư tưởng thẩm mỹ chỉ mối liên hệ khăng khít giữa văn học và dân tộc, thể hiện qua những đặc điểm độc đáo, tương đối bền vững chung cho các

sáng tác của một dân tộc, được hình thành trong quá trình phát triển lịch sử và phân biệt với văn học các dân tộc khác... Tính dân tộc thể hiện ở mọi yếu tố từ nội dung đến hình thức của sáng tác văn học.

- Nghệ thuật biểu hiện giàu tính dân tộc (tính dân tộc thể hiện ở hình thức nghệ thuật): mỗi nền văn học dân tộc có hệ thống thể loại truyền thống, có các phương tiện miêu tả, biểu hiện riêng, nhất là có ngôn ngữ dân tộc thể hiện bản sắc riêng trong tư duy và tâm hồn của dân tộc mình, góp phần làm giàu có kho tàng nghệ thuật và thi pháp của thơ ca dân tộc.

=> Đoạn thơ trên trích trong bài Việt Bắc rất tiêu biểu cho hai nét phong cách thơ Tố Hữu: giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tính dân tộc trong hình thức nghệ thuật.

2. Chứng minh

2.1. Giọng thơ tâm tình ngọt ngào

- Thể thơ lục bát mang âm điệu nhẹ nhàng, trầm lắng.
- Từ láy: bâng khuâng, bồn chồn.
- Cách ngắt nhịp 2/2/2 tạo nên âm điệu nhẹ nhàng, mang đến giọng điệu tâm tình, ngọt ngào.
- Cặp đại từ mình – ta trong ca dao, tạo nên kiểu kết cấu đối đáp quen thuộc, như những lời tâm sự thủ thi, đầy tình nghĩa.

2.2. Tính dân tộc trong hình thức nghệ thuật

- Thể thơ: Tố Hữu đã sử dụng thể thơ lục bát truyền thống. Ông đã sử dụng rất nhuần nhuyễn, thuần thực thể thơ này. Không chỉ áp dụng thành thực mà Tố Hữu còn có những biến đổi, sáng tạo sao cho phù hợp với nội dung, tình ý câu thơ.
- Kết cấu: Kết cấu theo lối đối đáp. Đây là lối kết cấu phổ biến trong ca dao giao duyên của đôi nam nữ. Đây là kết cấu mang đậm tính dân tộc, thể hiện được những tình cảm cảm xúc, điệu tâm hồn của con người Việt Nam.
- Hình ảnh: Tố Hữu có tài sử dụng hình ảnh dân tộc một cách tự nhiên và sáng tạo trong bài thơ:
 - + Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn.
 - + Hình ảnh áo chàm.
- Ngôn ngữ và các biện pháp tu từ :

+ Tính dân tộc được thể hiện rõ nhất trong cặp đại từ nhân xưng "ta - mình, mình - ta" quấn quýt với nhau và đại từ phiếm chỉ "ai". Đây là một sáng tạo độc đáo và cũng là một thành công trong ngôn ngữ thơ ca của Tố Hữu. Các biện pháp tu từ quen thuộc: sử dụng từ láy, điệp từ, so sánh, nhân hoá, hoán dụ,...

- Nhạc điệu: Trong bài thơ là nhạc điệu dân tộc từ thể thơ lục bát: nhịp nhàng tha thiết, ngọt ngào, sâu lắng nhưng biến hóa, sáng tạo, không đơn điệu.

=> Kết luận: Tất cả những biểu hiện trên về hình thức đều tập trung thể hiện tình cảm quân dân thiết tha, gắn bó...

III. Kết bài:

- Giọng thơ tâm tình ngọt ngào và nghệ thuật tiêu biểu giàu tính dân tộc của Tố Hữu đã góp phần quan trọng vào thành công của bài thơ Việt Bắc làm cho nó nhanh chóng đến với người đọc và sống lâu bền trong lòng độc giả.

2.6. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 6

TRƯỜNG THPT TỨ SƠN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Khi nói đến ước mơ của mỗi người thì điều đầu tiên cần phải xác định đó không phải là những mong ước viển vông mà chính là mục đích con người đặt ra và cố gắng phấn đấu để đạt đến trong cuộc đời mình.

Đồng thời một yếu tố cũng hết sức quan trọng là cần phải xác định cách thức để đạt được mục đích đó, bởi không ai trong cuộc đời này lại không muốn đạt đến một điều gì đó. Sự khác biệt chính là ở phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người và điều này sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người.

Có người đi đến ước mơ của mình bằng cách trung thực và trong sáng thông qua những nỗ lực tự thân tột cùng. Đây là những người có lòng tự trọng cao và biết dựa vào sức của chính mình, tin vào khả năng

của chính mình và sự công bằng của xã hội. Đối với họ, mục tiêu chưa chắc là điều họ quan tâm, cái họ quan tâm hơn chính là phương thế để đạt đến mục tiêu trong cuộc sống.

Chính vì vậy họ là những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi”, trở thành công cụ trong tay người khác hay giao phó tương lai của mình cho người khác. Sở dĩ như thế là bởi họ chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến, đồng thời cũng là những người xem phương tiện quan trọng như mục tiêu của cuộc đời mình.

(Nguồn Lê Minh Tiến, *Đẳng cấp về nhân cách*, <http://tuoitre.vn>)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2. Theo tác giả, điều gì sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người?

Câu 3. Vì sao tác giả cho rằng: những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận “tầm gửi” chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến.

Câu 4. Từ đoạn trích trên, hãy rút ra bài học có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: "Sự khác biệt chính là ở phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người và điều này sẽ quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người".

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ sau:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Trích *Tây Tiến* - Quang Dũng)

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên đất nước muôn đời

(Trích Đất nước - Nguyễn Khoa Điềm)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt: nghị luận

Câu 2:

- Điều quyết định “đẳng cấp” về nhân cách của mỗi người là: phương thức thực hiện, cách thức đạt đến ước mơ của mỗi người.

Câu 3:

- Những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận tầm gửi chỉ tự hào với những gì do chính bản thân họ làm ra và đạt đến. Tác giả nói như vậy vì:

+ “Tầm gửi” là sống dựa dẫm vào người khác, là những người không có bản lĩnh

+ “Những người không bao giờ chấp nhận sống trong thân phận tầm gửi” là những người có lòng tự trọng, có ý thức về giá trị bản thân, luôn nỗ lực vươn lên để đạt được mục đích.

Câu 4:

- Thí sinh có thể rút ra bài học:

+ Nỗ lực thực hiện ước mơ bằng chính khát vọng và khả năng của bản thân.

+ Tự tin, tự trọng làm nên giá trị của con người.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

* Giải thích:

- “Ước mơ” là mong muốn đến những điều tốt đẹp ở tương lai.

- “Đẳng cấp” nhân cách chỉ mức độ cao về bản lĩnh, đạo đức, nhân cách của mỗi người.

=> Ý kiến khẳng định con đường, cách thức thực hiện ước mơ của mỗi người sẽ cho thấy bản lĩnh, đạo đức, lối sống và giá trị đích thực của người đó.

* Phân tích, bàn luận:

- Ước mơ có vai trò quan trọng trong cuộc sống con người. Nhờ có ước mơ mà con người có thể chinh phục tự nhiên, tạo nên những thành tựu về khoa học và công nghệ.

- Ước mơ hiện diện trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, từ học tập, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất, quản lý xã hội,...

- Thực tế cho thấy có nhiều cách thức để chinh phục, thực hiện những ước mơ như tự thân, tương tác trí tuệ tập thể,...

- Phê phán thói dựa dẫm, ỷ lại, thụ động, không có ước mơ, hoài bão,...

* Bài học:

- Sống có ước mơ và dám có ước mơ

- Tự trọng, tự tin khi thực hiện ước mơ của chính mình.

Câu 2:

a. Giới thiệu chung:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Giới thiệu hai đoạn thơ

* Cảm nhận về hai đoạn thơ:

b. Cảm nhận về hai đoạn thơ:

* Đoạn thơ trong bài Tây Tiến là sự hi sinh anh dũng của người lính:

Rải rác biên cương mờ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu, anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

- Bốn câu thơ viết về cái chết của người lính Tây Tiến nhưng không gợi sự đau thương. Tác giả đã sử dụng hệ thống từ Hán Việt: “biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành” nhằm lột tả không khí trang nghiêm, cổ kính. Cái chết của người lính Tây Tiến được miêu tả thật linh thiêng.

- Câu thơ “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh” như một lời thề danh dự. Nó cho thấy lý tưởng “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh” của những người thanh niên trẻ. Thật rằng, họ cũng có những tiếc nuối nhưng trên hết là vì lý tưởng:

“Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình

(Tuổi hai mươi làm sao không tiếc)

Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc”

(Thanh Thảo)

- Hai câu thơ sau viết về sự ra đi vĩnh viễn của người lính Tây Tiến. Họ nằm lại dưới vùng đất lạ trong không khí hào hùng mà thiên nhiên dành để tiễn biệt họ. “Về đất” vừa là cách nói giảm nói tránh để bớt đau thương vừa là cách nói kỳ vĩ hóa cái chết của anh bộ đội cụ Hồ.

- Đoạn thơ kết thúc bằng một âm hưởng hào hùng. Dường như linh hồn người tử sĩ đã hòa cùng sông núi, con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc đau thương, hùng tráng để tiễn đưa người lính vào cõi bất tử. Hình tượng “sông Mã” ở cuối bài thơ được phóng đại và nhân hóa, tô đậm cái chết bi hùng của người lính - sự hi sinh làm lay động đất trời, khiến dòng sông gầm lên đón đầu, thương tiếc.

- Nghệ thuật: Bằng bút pháp lãng mạn và âm hưởng bi tráng, đoạn thơ ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của người lính Tây Tiến trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

* Đoạn thơ trong bài Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm là lời nhắn nhủ của nhà thơ về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với non sông đất nước:

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời

- Đoạn thơ có giọng điệu tâm tình sâu lắng, thiết tha. Tác giả tạo ra cuộc trò chuyện thân mật giữa nhân vật trữ tình “anh” với “em”. Giọng điệu ấy đã làm mềm hóa nặng nề, khô khan của chất chính luận.

- Nguyễn Khoa Điềm đã khám phá một định luật rất mới “Đất Nước là máu xương của mình”. Đối với mỗi con người, máu xương là yếu tố cần thiết cho sự sống. Hình ảnh so sánh độc đáo ấy có hàm ý khẳng định: Đất nước là sự sống thiêng liêng đối với mỗi con người:

Ôi Tổ quốc ta, ta yêu như máu thịt

Như mẹ cha ta, như vợ như chồng

Ôi Tổ quốc, nếu cần ta chết

Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...

- Ngoài ra, hình ảnh “máu xương” còn gọi lên trong lòng người đọc lịch sử đất nước với biết bao con người anh hùng đã hi sinh đời mình cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc:

Xưa yêu quê hương vì có chim, có bướm

Có những ngày trốn học bị đòn roi

Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất

Có một phần xương thịt của em tôi

(Giang Nam)

- Nguyễn Khoa Điềm nhắc nhở mỗi người chúng ta phải biết trân trọng đất nước hôm nay.

- Từ việc xác định vai trò quan trọng của đất nước đối với mỗi con người, nhà thơ khơi gợi ý thức trách nhiệm của mỗi công dân, nhất là thế hệ trẻ. Phép điệp ngữ “phải biết” vừa có ý nghĩa cầu khiến vừa là lời thiết tha, mong chờ như mệnh lệnh từ trái tim. Ba cụm động từ cụ thể hóa trách nhiệm của mỗi con người: “Gắn bó” là lời kêu gọi đoàn kết, hữu ái giai cấp. Vì, có đoàn kết là có sức mạnh. “San sẻ” là mong muốn mỗi người có ý thức gánh vác trách nhiệm với quê hương. Còn “hóa thân” là biểu hiện tinh thần sẵn sàng hi sinh cho đất nước, là sự dâng hiến thiêng liêng, đẹp đẽ. Tinh thần này đã từng bắt gặp trong bài thơ Đất Nước của Nguyễn Đình Thi:

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy

Hay:

Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!

Mẹ thà coi như chiếc lá bay,

Chị thà coi như là hạt bụi,

Em thà coi như hơi rượu say

(Tống Biệt Hành - Thâm Tâm)

- Một khi ra đi chiến đấu cho sự nghiệp cách mạng, người chiến sĩ bộ đội cụ Hồ quên hết tình riêng một lòng hướng về nhân dân và đất nước.

- Nghệ thuật: Đoạn thơ mang tính chính luận nhưng được diễn đạt bằng hình thức đối thoại, giọng điệu trữ tình kết hợp với biện pháp tu từ điệp ngữ. Từ “Đất Nước” được lặp lại hai lần kết hợp cách viết hoa đã tăng thêm sự tôn kính thiêng liêng, thể hiện quan niệm lớn: “Đất Nước của nhân dân”.

* So sánh:

- Giống nhau: Tư tưởng của cả hai đoạn thơ đều là tư tưởng cao đẹp: công hiến, dâng hiến tuổi trẻ mình cho đất nước non sông.

- Khác nhau:

+ Tây Tiến với cảm hứng đất nước được gợi lên từ nỗi nhớ của người lính vùng cao về những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Đất Nước hoàn thành trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ tại mặt trận Trị Thiên bộc lộ cảm hứng đất nước qua cái nhìn tổng quát đưa đến những chiêm nghiệm mới mẻ, sâu sắc về đất nước: Đất nước là tất cả những gì gắn bó máu thịt với mỗi con người.

+ Tây Tiến được biểu đạt bằng giọng thơ bi tráng và bút pháp lãng mạn. Đất Nước được thể hiện bằng giọng thơ trữ tình chính luận sâu lắng.

+ Tây Tiến được viết theo thể thơ bảy chữ. Đất Nước là đoạn trích trong bản trường ca Mặt đường khát vọng được thể hiện bằng thể thơ tự do.

c. Kết luận:

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

2.7. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 7

TRƯỜNG THPT ĐÒI NGÔ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)**I. Phần đọc hiểu (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Thật ra, cuộc đời ai cũng có những lúc không biết nên làm thế nào mới phải. Khi ấy, ba tôi dạy rằng, ta chỉ cần nhớ nguyên tắc sống cơ bản cực kỳ ngắn gọn: trước hết hãy tôn trọng người khác rồi sau đó, nghe theo chính mình. Hãy tôn trọng. Bởi cuộc đời là muôn mặt và mỗi người có một cách sống riêng biệt. Chẳng có cách sống này là cơ sở để đánh giá cách sống kia. John Mason có viết một cuốn sách tựa đề *Bạn sinh ra là một nguyên bản, đừng chết như một bản sao*. Tôi không biết nó đã được dịch ra tiếng Việt chưa, nhưng đó là một cuốn sách rất thú vị. Nó khiến tôi nhận ra rằng mỗi con người đều là một nguyên bản, duy nhất, độc đáo và đáng tôn trọng.

(...) Chúng ta không sinh ra với ngoại hình, tính cách, tài năng hay sự giàu có mà mình muốn chọn lựa. Nhưng chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình. Chúng ta có một cơ hội duy nhất để sống như mình muốn, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu. Bạn biết mà cơ hội đó chính là cuộc đời này – một chớp mắt so với những vì sao. Bởi thế, đừng để mình cứ mãi xoay theo những tiếng ồn ào khác, hãy lắng nghe lời thì thầm của trái tim.

(Lắng nghe lời thì thầm con tim - Phạm Lữ Ân)

Câu 1: Xác định thao tác nghị luận chính của văn bản trên (0,5 điểm)

Câu 2: Theo tác giả “sống như mình muốn” là như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 3: Tại sao tác giả nói: “Chúng ta đều có một cơ hội duy nhất để được là chính mình” (1,0 điểm)

Câu 4: Điều anh/chị tâm đắc nhất trong văn bản trên là gì? (1,0 điểm)

II. Phần làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về câu nói được đề cập trong phần đọc hiểu: “*Bạn sinh ra là một nguyên bản đừng chết như một bản sao.*”

Câu 2 (5,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ *Sóng* của nhà thơ Xuân Quỳnh:

... *Con sóng dưới lòng sâu,*

*Con sóng trên mặt nước,
Ôi con sóng nhớ bờ,
Ngày đêm không ngủ được,
Lòng em nhớ đến anh,
Cả trong mơ còn thức.
Dẫu xuôi về phương bắc,
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ,
Hướng về anh - một phương.*

(Ngữ văn 12, tập một, NXBGD - 2009, tr 155 – 156)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. Phần đọc hiểu

Câu 1:

Thao tác lập luận bình luận

Câu 2:

- “Sống như mình muốn”: làm điều mình tin, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao, yêu thương người mình yêu.

Câu 3:

- Cuộc đời con người rất ngắn ngủi nên mình không có cơ hội để sống lại cuộc đời mình lần thứ 2.

- Vì vậy hãy sống thật với chính mình, sống với những đam mê, khát vọng của mình, làm điều mình tin, sáng tạo điều mình mơ ước, theo đuổi điều mình khát khao để khi từ giã cuộc đời này, mình không có điều gì phải hối tiếc.

Câu 4:

- Thí sinh chọn điều mình tâm đắc nhất và lý giải rõ vì sao thông điệp đó có ý nghĩa với mình nhất.

- Có thể chọn: được sống là chính mình; sống như nguyên bản của mình; theo đuổi khát khao, mơ ước...

Lưu ý: cần lý giải hợp lý và thuyết phục, không vi phạm đạo đức, thẩm mỹ, pháp luật...

II. Phần làm văn

Câu 1:

* Giải thích:

- Mỗi người sinh ra là một nguyên bản: Mỗi người sinh ra là một cá thể riêng biệt, duy nhất, độc đáo; Đừng chết như một bản sao: đừng lặp lại, bắt chước, nói theo, nghĩ theo để trở thành bản sao của người khác

=> Ý nghĩa câu nói: cần giữ được bản sắc riêng của mình trong suốt hành trình cuộc sống.

* Bàn luận, chứng minh

- Trời sinh ra con người không ai giống ai. Vì vậy chúng ta phải giữ gìn những nét riêng của mình. “Sinh ra là duy nhất, đừng sống là bản sao”. Nếu mọi người đều nói đều nghĩ giống nhau thì cuộc sống sẽ mất đi sự phong phú, đa dạng và trở nên buồn tẻ, đơn điệu.

- Phê phán những người chạy theo thời đại mà đánh mất bản sắc của mình và những người chưa biết cách thể hiện cái riêng của mình.

- Tuy nhiên giữ gìn nét riêng không có nghĩa là cố gắng tỏ ra nổi bật hơn thiên hạ bằng những hành động lố lăng, quá khích, cũng không thể vì cái riêng của mình mà ảnh hưởng đến cái chung của mọi người.

* Bài học nhận thức và hành động:

- Mỗi người cần xác định lối sống đúng đắn để vừa dung hòa với cộng đồng vừa giữ được cá tính của mình.

- Chân thành với bản thân và mọi người xung quanh – đó chính là cách vừa giữ gìn cái riêng vừa tạo nên những mối quan hệ.

Câu 2:

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

- Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ in trong tập Hoa dọc chiến hào.

* Sóng - Nỗi nhớ thủy chung trong tình yêu

- Âm hưởng cả đoạn thơ này là âm hưởng khẳng định, âm hưởng của niềm tin bất di bất dịch.

- Trong khổ thơ thứ 5, nỗi nhớ được diễn tả thật mãnh liệt, da diết hiển hiện trong mọi chiều kích của không gian, thời gian, trạng thái của cuộc sống. Hàng loạt các từ ngữ trái nghĩa có trong khổ thơ:

Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

- Tình yêu luôn đi liền với nỗi nhớ, nó bao trùm cả không gian, khắc khoải trong thời gian, ăn sâu vào ý thức, tiềm thức và đi cả vào trong giấc mơ:

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức

-> Cái “thức” trong mơ ấy chính là sự thật nỗi lòng của người con gái đang yêu.

- Sự khát khao hướng về nhau, có nhau và sự bày tỏ niềm tin tuyệt đối vào lòng chung thủy được thể hiện thật dứt khoát qua các câu khẳng định tuyệt đối:

Dẫu xuôi về phương Bắc

Dẫu ngược về phương Nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hướng về anh - một phương

- Trong trời đất có bốn phương, tám hướng nhưng không có phương nào là phương anh vậy mà trong tình yêu của người con gái lại có phương anh và chỉ hướng về một phương duy nhất ấy.

- Nhân vật trữ tình tự bạch chân thành mà mãnh liệt nỗi nhớ, khát vọng thủy chung, nỗi khao khát hướng về nhau, có nhau. Trạng thái tâm hồn ấy vừa mạnh mẽ vừa sâu lắng quyện hòa trong những quan sát và suy tư từ con sóng.

=> Tóm lại, có thể nói rằng hình tượng sóng đôi “sóng” và “em” đã bộc lộ được tâm trạng khát khao, nỗi nhớ da diết vừa trực tiếp lại vừa gợi cảm như những vòng sóng nối tiếp nhau cùng dội lại, cùng cộng hưởng và lan tỏa.

* Nghệ thuật:

- Thể thơ năm chữ; Cách ngắt nhịp linh hoạt

- Lời thơ vừa da diết ở chiều sâu cảm xúc vừa thâm đượm ý vị triết lý.

- Hình tượng “sóng” và “em”, phép điệp, nhân hóa, liệt kê, đối xứng,...

* Kết luận.

- Nêu cảm nhận về bài thơ Sóng

- Khái quát giá trị nghệ thuật: xây dựng thành công hình tượng “sóng”, ngôn từ, hình ảnh trong sáng bình dị, ...

- Nội dung: qua hình tượng sóng diễn tả tình yêu thiết tha, nồng nàn của người phụ nữ, Xuân Quỳnh đã thể hiện quan niệm tình yêu mới mẻ, hiện đại: sự chủ động của người phụ nữ trong tình yêu nhưng vẫn giữ được nét truyền thống.

2.8. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 8

TRƯỜNG THPT CẨM LÝ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I: Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện những yêu cầu sau:

Quán nhậu mỗi ngày thường diễn ra hai hình ảnh khác biệt: nhiều người nhậu thả ga với hóa đơn vài triệu đồng; nhưng có người cố gắng hát, biểu diễn xiếc, nhảy múa... chỉ với mong muốn bán được mấy cây kẹo giá vài nghìn đồng.

Hàng đêm, trong khi nhiều bạn trẻ miệt mài luyện game, làm "anh hùng bàn phím", thì ở nhiều vùng quê, những học sinh nghèo đang cặm cụi học bài bên ánh đèn dầu hiu hắt.

Tờ mờ sáng. Lúc các quán bar hoạt động rầm rộ nhất, những "cậu ấm, cô chiêu" uốn éo, lắc lư trong tiếng nhạc chát chúa, bên cạnh là những chai rượu ngoại đắt tiền. Họ đâu biết rằng cùng thời điểm, ở những bãi rác, có biết bao đứa trẻ phải nhặt nhạnh những thứ người khác vứt bỏ, với ước vọng bán được, kiếm tiền để sống qua ngày.

Bất kỳ lúc nào, chỉ cần cái vĩa với người yêu là nhiều bạn trẻ sẵn sàng nhảy lầu, nhảy cầu bỏ đi mạng sống. Có lẽ họ không nghĩ đến tại những bệnh viện, bao thân phận người cầu mong không mắc những căn bệnh hiểm nghèo, họ chỉ ước sao được sống thêm một ngày, dẫu có đói nghèo cũng chấp nhận. Nhưng ước mong đó chẳng thành sự thật...

Cuộc sống luôn có những gam màu khác biệt, có những mảng sáng tối đối nghịch nhau như thế. Nhưng khi còn trẻ, chắc hẳn chúng ta thường chỉ nhìn thấy vẻ đầu của những câu chuyện tôi kể và vô tư phí phạm thời gian, tiền bạc, sức khỏe và đánh mất rất nhiều điều..."

(Ánh Huệ - Báo Thanh Niên)

Câu 1: Nội dung chính của văn bản trên là gì?

Câu 2: Hãy đặt tiêu đề cho văn bản.

Câu 3: Chỉ ra các thao tác lập luận có trong văn bản trên.

Câu 4: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về văn bản trên.

PHẦN II: Làm văn (7,0 điểm)

Anh/chị hãy phân tích đoạn thơ sau:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

*Rải rác biên cương mờ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

(Tây Tiến - Quang Dũng)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 12

Phần I. Đọc hiểu

Câu 1:

- Nội dung chính: Cuộc sống luôn tồn tại những mặt đối nghịch: có những người sống hoàì, sống phí, sống hưởng thụ, không biết yêu thương tôn trọng cuộc sống; lại có những mảnh đời cơ cực, bất hạnh với những ước vọng vươn lên.

Câu 2:

- Học sinh có thể đặt các tiêu đề khác nhau.

Câu 3:

- Học sinh xác định đúng một trong các phương án sau:

- + Thao tác lập luận so sánh
- + Thao tác lập luận tương phản
- + Thao tác lập luận so sánh tương phản

Câu 4:

- Học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau nhưng cần có thái độ nghiêm túc.

Phần II: Làm văn

a. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, vẽ tranh và soạn nhạc. Nhưng Quang Dũng trước hết là một nhà thơ mang hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa – đặc biệt khi ông viết về người lính Tây Tiến và xứ Đoài (Sơn Tây) của mình.

- Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện sâu sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ, được in trong tập Mây đầu ô (1986)

b. Phân tích đoạn thơ:

- Ngoại hình (bi thương): được khắc hoạ bằng một nét vẽ rất gân guốc, lạ hoá nhưng lại được bắt nguồn từ hiện thực:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

- "Không mọc tóc", "quân xanh màu lá" đều là hậu quả của những trận sốt rét rừng khủng khiếp mà người nào cũng phải trải qua. Trong hồi ức của những người lính Tây Tiến trở về, đoàn quân tử vong vì sốt rét rừng nhiều hơn là vì đánh trận bởi rừng thiêng nước độc mà thuốc men không có.

- Quang Dũng không hề che giấu những gian khổ, khó khăn..., chỉ có điều nhà thơ không miêu tả một cách trần trụi. Hiện thực ấy được khúc xạ qua bút pháp lãng mạn của Quang Dũng, trở thành cách nói mang khẩu khí của người lính Tây Tiến, cách nói rất chủ động: không mọc tóc chứ không phải tóc không thể mọc vì sốt rét tạo nên nét dữ dội, ngang tàng, cứng cỏi của người lính Tây Tiến; cái vẽ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính qua ngòi bút Quang Dũng lại toát lên vẻ oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng "quân xanh màu lá dữ oai hùm".

- Đoàn binh gợi lên sự mạnh mẽ lạ thường của "Quân đi điệp điệp trùng trùng" (Tô Hữu), của "tam quân tì hổ khí thôn ngưu" (ba quân mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu) (Phạm Ngũ Lão).

- "Dữ oai hùm" là khí phách, tinh thần của đoàn quân ấy, như mang oai linh của chúa sơn lâm rừng thẳm

- "Mắt trừng" là chi tiết cực tả sự giận dữ, phẫn nộ, sôi sục hướng về nhiệm vụ chiến đấu

=> Thủ pháp đối lập được sử dụng đặc địa trong việc khắc hoạ sự tương phản giữa ngoại hình ốm yếu và nội tâm mãnh liệt, dữ dội, ngang tàng.

- Thế giới tâm hồn đầy mộng mơ thể hiện qua nỗi nhớ (lãng mạn):

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

-> Những người lính Tây Tiến không phải là những người không lò không tim, bên trong cái vẻ oai hùng, dữ dằn của họ là những tâm hồn, những trái tim rạo rục, khát khao yêu đương “đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Dáng kiều thơm gợi vẻ đẹp yêu kiều, thướt tha thanh lịch của người thiếu nữ Hà thành, là cái đẹp hội tụ sắc nước hương trời. Những giấc mơ mang hình dáng kiều thơm đã trở thành động lực để giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; đã thúc giục họ tiến lên phía trước; và cũng là sợi dây thiêng liêng của niềm tin mang họ vượt qua bom đạn trở về.

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

- Câu thơ thứ nhất nếu tách ra khỏi đoạn thơ sẽ là một bức tranh hết sức âm đạm:

+ Rải rác đây đó nơi biên cương của Tổ quốc, nơi rừng hoang lạnh lẽo xa xôi là những nấm mồ vô danh không một vòng hoa, không một nén hương tưởng niệm. Hai chữ “rải rác” gợi vẻ hiu hắt, quạnh quẽ thật âm đạm và thê lương.

+ Trong một câu thơ mà tác giả sử dụng tới hai từ Hán Việt "biên cương", "viễn xứ" mang màu sắc trang trọng cổ kính như để bao bọc cho những nấm mồ xa xứ ấy một bầu không khí thiêng liêng đượm vẻ ngậm ngùi, thành kính

- Mặc dù khung cảnh ấy hàng ngày vẫn trải ra trên các cung đường hành quân của người lính Tây Tiến nhưng nó không đủ sức làm các anh nản chí sờn lòng, mà trái lại càng nung nấu quyết tâm “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”

+ Đời xanh là tuổi trẻ, là bao mơ ước, khát vọng đang ở phía trước. Nhưng không gì quý hơn Tổ quốc, không có tình yêu nào cao hơn tình yêu Tổ quốc. Nên hai chữ “chẳng tiếc” vang lên thật quyết liệt, dứt khoát như một lời thề chém đá.

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

- Trong bài thơ, Quang Dũng không hề né tránh hiện thực khắc nghiệt, dữ dội. Trong chặng đường hành quân, nhiều người lính không thể vượt qua đã "gục lên súng mũ bỏ quên đời". Dọc đường Tây Tiến cũng là vô vàn những nấm mồ liệt sĩ mọc lên “Rải rác biên cương mồ viễn xứ”... Và bây giờ, một lần nữa tác

giả nhắc đến sự ra đi của họ "Áo bào thay chiếu anh về đất". Người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu để che thân, đồng đội phải đan cho họ những tấm nứa, tấm tranh...

- Thế nhưng tác giả đã cố gắng làm giảm đi tính chất bi thương của những mất mát:

+ "Áo bào" (áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa) đã khiến họ trở thành những chiến tướng sang trọng:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha

Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

+ "Về đất" là cách nói giảm nói tránh, cái chết lại là sự tự nghĩa của những người anh hùng, thanh thân và vô tư sau khi đã làm tròn nhiệm vụ (liên hệ câu thơ của Tố Hữu: Thanh thân chết như cày xong thửa ruộng...)

+ "Sông Mã gầm lên khúc độc hành" vừa dữ dội vừa hào hùng, khiến cái chết, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Sông Mã tấu lên bản nhạc dữ dội của núi rừng như loạt đại bác đưa tiễn những anh hùng của dân tộc về nơi vĩnh hằng.

- Bút pháp lãng mạn ưa khám phá những vẻ đẹp dữ dội, phi thường, hay sử dụng thủ pháp đối lập mạnh mẽ. Bút pháp này chủ yếu được bộc lộ qua bốn câu thơ đầu. Tác giả nhiều lần viết về cái bi, sự mất mát, song buồn mà không uỷ mị, cúi đầu, mất mát mà vẫn cứng cỏi, gân guốc

- Màu sắc bi tráng chủ yếu được thể hiện trong 4 câu thơ còn lại. Cái bi hiện ra qua hình ảnh những nấm mồ hoang lạnh dọc đường hành quân, người chiến sĩ hi sinh chỉ có manh chiếu tạm. Nhưng cái tráng của lý tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc, của "áo bào thay chiếu", của điệu kèn thiên nhiên gầm lên dữ dội đã nâng đỡ hình ảnh thơ và truyền cảm xúc bi tráng vào lòng người

c. Tổng kết:

- Lý tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc.

2.9. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 9

TRƯỜNG THPT VIỆT YÊN

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2021-2022

MÔN: NGỮ VĂN 12

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (3,0 ĐIỂM)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Một lần tình cờ tôi đọc được bài viết “Hạnh phúc là gì?” trên blog của một người bạn. (2) Bạn ấy viết rằng: "Hạnh phúc là được nằm trong chăn ấm xem ti vi cùng với gia đình. (3) Hạnh phúc là được trùm chăn kín và được mẹ pha cho cốc sữa nóng. (4) Hạnh phúc là được cùng đưa bạn thân nhong nhong trên khắp phố. (5) Hạnh phúc là ngồi co ro hàng giờ trong quán cà phê, nhắm nháp ly ca-cao nóng và bàn chuyện chiến sự... thế giới cùng anh em chiến hữu..."

(6) Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao? (7) Ừ nhỉ!. (8) Dường như lâu nay chúng ta chỉ quen với việc than phiền mình bất hạnh chứ ít khi biết được rằng mình đang hạnh phúc. (9) Hãy một lần thử nghĩ xem: Khi chúng ta than phiền vì bố mẹ quá quan tâm đến chuyện của mình thì ngoài kia biết bao nhiêu người thèm hơi ấm của mẹ, thèm tiếng cười của bố, thèm được về nhà để được nắng; khi chúng ta cảm thấy thiệt thòi vì không được ngồi xe hơi chỉ vì phải chạy xe máy giữa trời nắng thì ngoài kia biết bao nhiêu bạn của chúng ta mồ hôi nhễ nhại, gò mình đạp xe lên những con dốc vắng; khi chúng ta bất mãn với chuyện học hành quá căng thẳng thì ngoài kia biết bao người đang khao khát một lần được đến trường, một lần được cầm cây bút để viết lên những ước mơ; khi chúng ta...

(Dẫn theo Bài tập Ngữ văn 11, tập 2, NXB Giáo dục 2007)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2: Tại sao tác giả lại “Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao”? (1,0 điểm)

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (9) (1,0 điểm)

Câu 4: Anh/Chị hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,0 điểm)

Qua đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về: Hạnh phúc của giới trẻ trong thời đại ngày nay.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài Sóng của nữ sĩ Xuân Quỳnh:

Con sóng dưới lòng sâu

*Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức*

*Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hương về anh một phương.*

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 9

MÔN: NGỮ VĂN 12

Phần I: Đọc hiểu

Câu 1:

Phong cách ngôn ngữ chính luận

Câu 2:

Tác giả “Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao?” bởi vì:

- Khi nghĩ đến hạnh phúc thì con người thường nghĩ đến những gì cao xa, to lớn nhưng thực ra hạnh phúc là những gì rất giản dị, gần gũi quanh ta.
- Con người thường không nhận ra giá trị của những gì mình đang có, vì vậy thường “than phiền mình bất hạnh chứ ít khi biết được rằng mình đang hạnh phúc”.

Câu 3:

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (9): liệt kê, điệp ngữ, tương phản - đối lập.

- Tác dụng:

+ Tạo giọng điệu thiết tha, hùng hồn, mạnh mẽ để tăng tính thuyết phục.

+ Nhấn mạnh sự tương phản về hoàn cảnh của chúng ta và biết bao nhiêu người để từ đó gợi ra quan niệm về một hạnh phúc giản đơn.

Câu 4:

Thông điệp có ý nghĩa nhất trong đoạn trích:

- Chúng ta cần biết trân trọng những hạnh phúc bình dị, giản đơn nhưng thiết thực trong cuộc sống.

Phần II: Làm văn

Câu 1:

- Giải thích: Hạnh phúc là một trạng thái tâm lý của con người khi ta cảm thấy vui vẻ, thỏa mãn

- Bàn luận:

* Quan niệm của giới trẻ về hạnh phúc:

- Hạnh phúc là hưởng thụ.

- Hạnh phúc là trải nghiệm.

- Hạnh phúc là sống vì người khác.

- Hạnh phúc là hài hòa giữa lợi ích của cá nhân và cộng đồng...

* Vì sao giới trẻ hiện nay lại có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc?

- Thời đại mà kinh tế xã hội ngày càng phát triển, con người dễ coi trọng lối sống vật chất, vì vậy dễ nảy sinh quan niệm hạnh phúc là hưởng thụ.

- Thời đại ngày nay cũng đặt ra nhiều thách thức, cơ hội, vì vậy giới trẻ cũng năng động hơn, dám sống dám trải nghiệm, dám hi sinh vì người khác...

- Bài học nhận thức và hành động

+ Cần có những quan niệm đúng đắn về hạnh phúc.

+ Luôn hoàn thiện mình để hướng tới một hạnh phúc chân chính.

Câu 2:

* Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vị trí đoạn thơ:

- Xuân Quỳnh là một trong những gương mặt tiêu biểu của thơ ca chống Mỹ.

- Thơ của Xuân Quỳnh là tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.

- Sóng sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), in trong tập Hoa dọc chiến hào (1968). Là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.

- Đoạn trích nằm ở giữa tác phẩm, khắc họa rõ nét nỗi nhớ mong, lòng thủy chung trong tình yêu.

* Sáu câu thơ đầu:

- Nỗi nhớ bao trùm cả không gian và thời gian: đối lập "lòng sâu" - "mặt đất", "ngày" - "đêm".

- Nỗi nhớ thường trực, không chỉ tồn tại khi thức mà ngay cả trong khi ngủ, len lỏi cả vào trong giấc mơ, trong tiềm thức (Cả trong mơ còn thức).

- Nỗi nhớ của một tình yêu mãnh liệt (Ngày đêm không ngủ được)

- Mượn hình ảnh sóng để nói lên nỗi nhớ vẫn chưa đủ, chưa thỏa, nhà thơ bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ của mình (Lòng em nhớ đến anh).

=> Cách diễn đạt nỗi nhớ của Xuân Quỳnh thật độc đáo, nhà thơ bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ của mình trong tình yêu. Nỗi nhớ cứ tồn tại, cứ hiện diện trong tâm hồn, nó không hề lắng xuống mà trào dâng mãnh liệt, quay quắt không nguôi.

* Bốn câu cuối:

- Khẳng định lòng thủy chung: dù ở phương nào, nơi nào cũng chỉ "hướng về anh" – "một phương"

- Phương bắc, phương nam là phương của đất trời, "phương anh" chính là phương tâm trạng, phương của người phụ nữ đang yêu say đắm, thiết tha.

* Nghệ thuật:

- Thể thơ năm chữ được dùng một cách sáng tạo, thể hiện nhịp sóng của biển, nhịp lòng của thi sĩ.

- Các biện pháp điệp từ, điệp cú pháp, tương phản góp phần tạo nên nhịp điệu nồng nàn, say đắm, thích hợp cho việc diễn tả nỗi nhớ mãnh liệt: "con sóng" (3 lần), "dưới lòng sâu" – "trên mặt nước", "dẫu xuôi" – "Dẫu ngược"; cách nói ngược "xuôi bắc" – "ngược nam" nhằm diễn tả những khó khăn, trắc trở trong cuộc sống.

* Đánh giá.

2.10. Đề thi giữa HK1 môn Ngữ văn 12 số 10**TRƯỜNG THPT PHƯƠNG SON****ĐỀ THI GIỮA HK1****NĂM HỌC: 2021-2022****MÔN: NGỮ VĂN 12****Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)****I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Cô ơi!

Cô không phải người nông dân một nắng hai sương làm ra hạt thóc, nhưng cô dạy con biết quý bát cơm chan chứa mồ hôi. Cô không phải người công nhân kỹ sư kiến thiết mọi nơi, nhưng cô xây cho đời một tương lai phía trước.

Cha mẹ là người cho con cuộc sống, bạn bè là những chỗ dựa niềm tin, thử thách rồi những thất bại đã cho con trưởng thành hơn thì chính cô là người dạy con vượt qua khó khăn vấp ngã trên đường đời. Chính cô là người nâng niu, uốn nắn cho con từng lời ăn tiếng nói, từng cử chỉ đáng đi. Con lớn dần trong vòng tay yêu thương của cô mà không hay rằng ba năm học đã sắp kết thúc. Con sắp phải xa cô thật rồi sao? Con chỉ muốn mãi là cô trò nhỏ được cắp sách vở đến trường, ngày ngày được nghe cô giảng bài.

Nhưng con phải đi để còn nhường chỗ cho thế hệ các em học sinh mới. Đây cũng là lúc con vận dụng những bài học về cuộc đời của cô ở ngôi trường khác, to lớn hơn trường mình.

(Trích Thư gửi cô ngày tri ân, nguồn internet)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản

Câu 2: Chỉ ra một thành ngữ được sử dụng trong câu: “Cô không phải người nông dân một nắng hai sương làm ra hạt thóc, nhưng cô dạy con biết quý bát cơm chan chứa mồ hôi”

Câu 3: Anh/chị hiểu nội dung câu văn sau như thế nào?

Cha mẹ là người cho con cuộc sống, bạn bè là những chỗ dựa niềm tin, thử thách rồi những thất bại đã cho con trưởng thành hơn thì chính cô là người dạy con vượt qua khó khăn vấp ngã trên đường đời.

Câu 4: Suy nghĩ của anh/chị về lòng biết ơn trong cuộc sống (Trình bày khoảng 7 đến 10 dòng).

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

*Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức
Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hương về anh - một phương*

(Trích Sóng - Xuân Quỳnh)

Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ trên, từ đó nhận xét về tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 10

MÔN: NGỮ VĂN 12

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Phong cách ngôn ngữ: sinh hoạt

Câu 2:

- Thành ngữ được sử dụng: Một nắng hai sương

Câu 3:

Về dòng tâm sự: "Cha mẹ là người cho con cuộc sống, bạn bè là những chỗ dựa niềm tin, thử thách rồi những thất bại đã cho con trưởng thành hơn thì chính cô là người dạy con vượt qua khó khăn vấp ngã trên đường đời" có thể được hiểu như sau:

- Cha mẹ có công sinh thành dưỡng dục, nuôi con nên người;

- Bạn bè là người gần gũi, giúp ta có sức mạnh tinh thần
- Thử thách, thất bại là bài học của sự thành công
- Cô giáo là người mẹ hiền, nâng đỡ cho bao thế hệ học sinh vượt qua mọi chông gai trong cuộc sống

Câu 4:

- Học sinh nêu suy nghĩ của mình. Trình bày hợp lý, chân thành, thuyết phục.

II. LÀM VĂN

* Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn, vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

- Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Bài thơ in trong tập Hoa dọc chiến hào.

* Sóng - Nỗi nhớ thủy chung trong tình yêu

- Âm hưởng cả đoạn thơ này là âm hưởng khẳng định, âm hưởng của niềm tin bất di bất dịch.

- Trong khổ thơ thứ 5, nỗi nhớ được diễn tả thật mãnh liệt, da diết hiện hiện trong mọi chiều kích của không gian, thời gian, trạng thái của cuộc sống. Hàng loạt các từ ngữ trái nghĩa có trong khổ thơ:

Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ

Ngày đêm không ngủ được

- Tình yêu luôn đi liền với nỗi nhớ, nó bao trùm cả không gian, khắc khoải trong thời gian, ăn sâu vào ý thức, tiềm thức và đi cả vào trong giấc mơ:

Lòng em nhớ đến anh

Cả trong mơ còn thức

-> Cái “thức” trong mơ ấy chính là sự thật nỗi lòng của người con gái đang yêu.

- Sự khát khao hướng về nhau, có nhau và sự bày tỏ niềm tin tuyệt đối vào lòng chung thủy được thể hiện thật dứt khoát qua các câu khẳng định tuyệt đối:

Dẫu xuôi về phương Bắc

Dẫu ngược về phương Nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hướng về anh - một phương

- Trong trời đất có bốn phương, tám hướng nhưng không có phương nào là phương anh vậy mà trong tình yêu của người con gái lại có phương anh và chỉ hướng về một phương duy nhất ấy.

- Nhân vật trữ tình tự bạch chân thành mà mãnh liệt nỗi nhớ, khát vọng thủy chung, nỗi khao khát hướng về nhau, có nhau. Trạng thái tâm hồn ấy vừa mạnh mẽ vừa sâu lắng quyện hòa trong những quan sát và suy tư từ con sóng.

=> Tóm lại, có thể nói rằng hình tượng sóng đôi “sóng” và “em” đã bộc lộ được tâm trạng khát khao, nỗi nhớ da diết vừa trực tiếp lại vừa gợi cảm như những vòng sóng nối tiếp nhau cùng dội lại, cùng cộng hưởng và lan tỏa.

* Kết luận

- Nêu cảm nhận về bài thơ Sóng

- Khái quát giá trị nghệ thuật: xây dựng thành công hình tượng “sóng”, ngôn từ, hình ảnh trong sáng bình dị,...

- Nội dung: qua hình tượng sóng diễn tả tình yêu thiết tha, nồng nàn của người phụ nữ, Xuân Quỳnh đã thể hiện quan niệm tình yêu mới mẻ, hiện đại: sự chủ động của người phụ nữ trong tình yêu nhưng vẫn giữ được nét truyền thống.